

- Ban chấp hành
- TƯ, T.Ư. -

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /2017/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 8 năm 2017

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH BÌNH	
ĐẾN số.....	358.....
Ngày... tháng ... năm 20...	30 tháng 08 năm 2017
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ số.....	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2017 và thay thế Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 05/09/2011 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 10/04/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 05/09/2011 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình; Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Website Chính phủ; Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP2, VP3, VP5, VP7;

LQ/TCBM.2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Điển



Handwritten text in a rectangular box, likely a signature or official stamp, with some illegible characters.

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về vị trí, chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Tên gọi của Quỹ:

Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

2. Địa chỉ trụ sở Quỹ: tại thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Vốn điều lệ: Tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Điều 4. Vị trí và chức năng

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định thành lập và ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình quản lý hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 11 của Quy chế mẫu về quản, sử dụng Quỹ phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/05/2010 của thủ tướng chính phủ; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 của Quy chế mẫu về quản, sử dụng Quỹ phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/05/2010 của thủ tướng chính phủ.
4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.
7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo Quy định tại Khoản 2, 3 Điều 6 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.
5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.
6. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

1. Hội đồng quản lý Quỹ;
2. Ban kiểm soát Quỹ;
3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ: Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

Điều 9. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa sáu (06) thành viên, gồm có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm Giám đốc Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Tài chính;
- c) Các thành viên khác là lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật;
- b) Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;
- d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;
- đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;
- e) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách

nhiệm trong phạm vi được uỷ quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung uỷ quyền;

g) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính quy định tại Điều 17 của Quy chế mẫu về quản, sử dụng Quỹ phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/05/2010 của thủ tướng chính phủ; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có từ 03 đến 05 thành viên, gồm: Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 11. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ không thành lập mà uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển thực hiện.

2. Giám đốc Quỹ (được uỷ thác) là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

e) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

Chương IV

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được giải quyết theo pháp luật hiện hành.

Điều 13. Tổ chức lại, giải thể bộ máy

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Triển khai thực hiện Điều lệ

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình. Các tổ chức cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, Quý có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (qua Sở Nội vụ) để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển